

音 VIENAM 圓

NGUYỆT SAN



CỬA

HỘI AN-NAM PHẬT-HỌC

phát hành

刊 月

會學佛南安
行發

HỢP THƠ

Chúng tôi rất trọng thơ trả lời của các lĩnh Hội-Phật-Học: Thanh hóa, Nghệ an, Phan rang, Quảng trị, Phan thiết, Nha trang, Bình định, Quảng ngãi, Pleiku, Faifoo, Quảng bình, Dran, Abre-Broyé, Dalat, Djiring về việc đã nhận được Viên-Ấm; và xin gởi mandat cho, chúng tôi cảm ơn lắm.

Ô. Hợp Châu Linh cảm.— Vì số 27 hết nên không có mà gởi.

Ô. Lê đơn Quế.— Có gởi hai số một lần: Ông một số và nhờ đưa lại một số (có lẽ vì báo lạc).

Ô. Thái quan Khánh thơ ký SEERBA Pleiku.— có thiếu II số ông có thuận mua thì cho biết mới trả lời được.

* * *

Các vị độc-giả đã trả tiền báo

Đức Từ Cung.	2\$00	Mme Nguyễn văn Thọ Yên Bái. . .	2.0
Cụ Thân Thân.	1.10	Nguyễn hữu Tâm Hanoi.	2.0
Nguyễn văn Vỹ dit Tâm thành Phú Yên.	2.00	Phan quang Quyền Huế.	2.0
Lê Giám Infirmer Hatinh.	2.00	Lê chi Hàm Huế.	1.5
Nguyễn Đức Bổng Sơn.	1.5)	Phạm quang Hoà Huế.	1.5
Đặng vào Chiêu Trà Ôn.	2.00	Charles Magnes Clairét Phnom Penh	2.0
Trần Kinh Kiến An.	2.00	Trần văn Trọng Phnom Penh. . .	2.0
Nghị minh Triết Quảng ngãi. . .	4.30	Lâm văn Hội Phnom Penh . . .	2.0
Rữu Tập Djiring.	1.50	Trương văn Thâu.	2.0
Chi hội Phật học Pleiku.	7.00	Nguyễn đức Úng Hanoi.	2.0
Chi Hội Tam quan Quinhơn. . .	33.50	Tôn thất Hợp Saigon.	2.0
Chi Hội Bình Sơn Quảng ngãi . .	35.00	Lương an Trương Soctrang. . .	2.0
Nguyễn thúc Toàn Huế.	2.00	Đoàn thị Qui Phú Nhuận.	2.0
Tôn thất Cẩm Huế.	2.00	Đoàn vào Nhân Hà đông.	2.0
Phan đình Thi Quảng ngãi. . . .	4.23	Hoàng chính Văn Laos.	1.5
Nguyễn Cư Quang ngãi.	4.23	Nguyễn kim Trịch Bân yên nhân. .	4.0
Hùng Faifo	5.00	Hợp Châu Linh Cẩm.	2.0
Nguyễn văn Kha Saigon	3.40	Lý kim Đình Ô Môn.	2.0
Trần văn Phúc Hanoi.	4.00	Trần văn Giác Trà Vinh.	2.0
Nguyễn kim Trịch Bân yên nhơn. .	2.00	Thiên Tào dit Sư Tâm Baltambang	2.0
		Lê hồng Tri Long Xuyên.	2.0

Ty Quản-ly

TINH-THẦN HOẠT-ĐỘNG

Chúng ta thường nhận thấy giữa thế-¹ và thế-² này bất cứ một tôn giáo nào, một dân tộc nào hay một đoàn thể nào, muốn đứng vững mà đi tới cái mục-dịch của mình, đều phải hoạt động. Hoạt-động không cần phải có cái ý nghĩa cạnh tranh, nhưng có hoạt-động mới tạo ra cho tôn giáo, cho dân tộc, cho đoàn-thể mình một thể lực vững chãi, mới truyền bá khắp cho nhơn-loại cái chọn-lý mà mình đã nhận thấy. Một nhà văn-học có danh tiếng bên Pháp đã nói: « người sanh ra để làm việc cũng như loài chim sanh ra để mà bay. » Vậy hoạt-động không phải chỉ riêng cho hạng người nào mà bất cứ ai ai cũng nên hoạt-động, để tăng trưởng cái trí-thức, cái chí khí, cái năng-lực của mình để làm phận sự cho đầy đủ, hầu mong giúp ích cho đời về tinh-thần hay về bnh-thức.

Trong đạo Phật xứ ta, phần đông tăng-già chỉ lo việc vang vái cúng cấp; gõ mõ tụng kinh, phần đông cư-sĩ chỉ biết lên chùa lễ Phật, cầu tài cầu phước nên khách bàn quan lắm kẻ phải chán chê và than phiền rằng đạo Phật đã gieo vào tâm-hồn tín-đồ một sự mê-tín, một mối chán đời làm cho loài người hóa nhu-nhược.

Thiệt ra thì không phải thế. Chính đức giáo-chủ của đạo Phật chúng ta đã từng treo cao cái gương hoạt-động. Vì cái mục-dịch giải-thoát ra ngoài các sự khổ não, ngài đã bỏ cung điện lầu đài, công danh phú quý, đi cùng núi cao rừng thẳm để nghiêm-cứu các đạo-lý hiện thời, rồi sau khi nhận chỗ sai lầm của các đạo lý ấy, ngài vào non tuyết tham thiền hơn sáu năm cho đến khi giác ngộ, thế đủ rõ cái tinh-thần hoạt-động, cái chí khí cương-quyết của ngài đến bậc nào. Giác-ngộ rồi, ngài đi cùng khắp các nước ở trung Ấn-Độ, bài bát các ngoại đạo, giảng dạy đường chọn chánh

tu hành; ngài thuyết pháp độ sanh mãi cho đến ngày nhập diệt mà ngài còn nói kinh Đại-Bác-Niết-Bàn chỉ về pháp-yếu cho đệ tử và hóa độ cho ông Tu-Bạc-Dà-La, lưu truyền lại Tam-Tạng kinh điển làm cơ-sở cho đạo Phật: tinh thần hoạt-động của ngài đã dựng nên cái cơ nghiệp rất vĩ-đại trên thế-giới này.

Học theo giáo-lý của Phật chúng ta cũng nên noi cái gương hoạt-động của Phật, hoạt-động một cách lợi lạc, ra ngoài cái sự tham danh trục-lợi.

Ba phương diện hoạt-động. — Hoạt-động tức là hành-động một cách lành lợi hoạt bác, tức là đem hết tâm-lực ra làm việc để cho có kết quả thiết thực. Hoạt-động một cách lợi lạc là hoạt-động thế nào cho đến cái mục-đích tự lợi và lợi tha của đạo Phật. Tự lợi là làm cho tự tâm mình được lợi ích hoặc về phần trực-tiếp hay gián tiếp, lợi tha là làm cho mọi người được sự lợi ích về tinh thần hay vật chất. Những điều tự lợi lợi tha hiệp với chánh lý của Phật dạy mới thật là phương pháp tự lợi lợi tha của đạo Phật.

a) *Tự lợi.* — Tự lợi nghĩa đen là làm lợi cho mình. Trong thế gian lắm người thiên phương bách kế làm cho có một ít hư danh tục lợi rồi cũng tưởng là làm lợi cho mình, vì không biết mình là thế nào.

Thân thể mỗi đời mỗi khác, mỗi ngày mỗi thay đổi quyết không phải là mình; cái tên gọi, cái chức phận, cái tài sản đều là vật ở ngoài thân thì lại càng không phải là mình nữa; cho đến cái học-thức, cái cảm-giác cũng chỉ là cái hay biết của một đời, cái hay biết theo sự đối đãi của thân thể và hoàn-cảnh, chứ cũng chưa phải là mình. Cái mình thật là cái tánh biết tuyệt đối, cái bản tâm chúng ta nó làm cho thân này sống, thân này biết, làm cho thân khác sống, thân khác biết, nhưng không cuộc vào hạn lượng của một thân nào, của một cảnh nào, của một đời nào. Chúng ta cần phải nghĩ cách làm lợi ích cho cái

minh thiệt ấy, chứ không nên vì những cái mình giả mà làm việc tổn hại cho cái bản tâm của mình.

Cái bản tâm ấy thường còn mãi mãi không thay không đổi, chỉ vì chúng ta lâu nay cứ theo thói quen mê lầm, sống say chết ngủ trong vọng tưởng giả danh, nên mới gây ra các nghiệp dữ, làm cho cái bản tâm càng ngày càng u ám. Vậy muốn làm lợi cho cái bản tâm thì cần phải không làm việc dữ, không nghĩ đều dữ, đoạn trừ các phiền não như lòng tham, lòng sân, lòng kiêu-mạn, lòng si-mê, các thành kiến mê lầm như nhận cái thân là mình, nhận cái cảnh đời dài là thiệt có, hằng ngày rèn luyện như vậy để cho cái bản tâm mỗi ngày mỗi trong sạch, mỗi ngày mỗi sáng suốt thì mới thiệt là tự-lợi.

2) *Lợi tha*. — Lợi tha tức là làm lợi cho người. Làm lợi cho người đây, cũng chỉ cốt làm cho bản tâm của người được trong sạch sáng suốt, nghĩa là giảng dạy cho người biết cách tu-tập. Nhưng muốn cho người ta nghe lời mình thì phải gây mối thiện-cảm, mà muốn gây mối thiện cảm thì tùy theo căn cơ, làm khi cần phải giúp đỡ về phần vật chất.

3) *Tự tha kiêm lợi*. — Tự tha kiêm lợi là làm lợi cho người và cho mình. Đứng về phương diện đối đãi thì vẫn in tuồng có hai phần : một phần là mình, một phần là người; người thuộc về cảnh, mình thuộc về tâm, người là sở tri, mình là năng tri; nhưng xét ra cho kỹ, ngoài cảnh không thể có cái gì đáng gọi là tâm, ngoài tâm không thể có cái gì đáng gọi là cảnh, ngoài cái sở tri thì cái năng-tri cũng hoá như không có, ngoài cái năng-tri thì cái sở-tri không có hình trạng; vậy tâm và cảnh, năng và sở chỉ đối đãi với nhau mà thành lập, có thì đồng có, không thì đồng không, không thể rời nhau, và cũng không lúc nào rời nhau: đã nói tâm tức là có cảnh, đã nói sở tức là có năng, trong cảnh đã có tâm, trong năng đã có sở nên không thể lấy gì làm giới hạn. Không có giới hạn tức là đồng thể, chỉ vì mê lầm nên chia ra có năng có sở mà thôi.

Năng với sở đã đồng một thể, tâm với cảnh đã đồng một thể thì minh với người cũng đồng một thể; vậy làm lợi ích cho bản-tâm của người, tức là làm lợi ích cho bản-tâm của mình, làm lợi ích cho bản tâm của mình, tức là làm lợi ích cho bản tâm của người, ảnh-hưởng chiếu cãm của các tâm niệm trùng trùng điệp điệp, không thể chia rẽ. Như đó có các vị A-la-Hán tu bác-thánh-đạo, tuy là tự lợi, nhưng kỳ thiệt vẫn có phần lợi tha; các vị Bồ Tát Bồ minh đề làm lợi ích cho người, lấy toàn thể chúng sanh làm mình, mà không cần nghĩ đến mình, tuy là lợi tha, nhưng kỳ thiệt cũng là tự lợi.

Nhưng dầu tự lợi, lợi tha hay tự tha kiêm lợi, cũng đều không thể do các danh từ suông mà được kết quả. Muốn được kết quả thì cần phải hoạt-động, hoạt-động một cách tinh-tấn, hoạt-động theo một mục đích nhất định. Cái phương châm của sự hoạt-động tín đồ đạo Phật gồm trong câu: «chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật-giáo.»

Chư ác mạc tác là không làm những điều ác, những điều có tổn hại cho người và cho tự tâm mình, giữ cái tâm không làm việc sát, đạo, dâm, cái miệng không nói những điều vọng ngôn, ý ngữ, ác-khẩu, lường thiệt, cái ý không móng lên những lòng tham, sân, si, đó là lối hoạt-động về phần tiêu-cực, tiêu-diệt cho hết sạch cái nguồn gốc của sự mê lầm độc-ác.

Chúng thiện phụng hành là làm các việc lành, nghĩa là làm các việc có lợi ích cho người và cho tự tâm mình, không hề lúc nào chán bỏ như đã vãn chiếu chỉ của vua, thường làm những việc phóng sanh, bố thí, tiết-ngiã nói những điều chơn thật, chánh trực, đù-dàng, hòa-giải, nghĩ những hạnh phóng-xả, nhàn-nhục, trí-tuệ; đó là hoạt-động về phần tích-cực, đề chất chứa nơi tâm người và tâm mình những đức tánh Từ-Bi Hỷ-Xả.

Tự tịnh kỳ ý là tự mình rèn luyện cho ý chỉ được trong sạch, nghĩa là được thoát ly đều phiền não mê lầm, được

thoát ly những giả-danh vọng tưởng, phá tan các hạn lượng, các đối đãi để có thể thường hoạt-động trong bản tánh chơn như, trong bản tánh đó tự tức là tha, tha tức là tự, không còn giới của mình và của người nữa.

Các cách hoạt-động đã kể trên rất có lợi ích cho tự tâm, rất có lợi ích cho đời, chúng ta cần phải phát cái chí nguyện mạnh mẽ để siêng năng hoạt-động theo lời Phật dạy bề trong thì luyện tập tâm tánh cho cương quyết, nhơn từ sáng suốt, bề ngoài thì làm những việc lợi ích cho người về tinh thần và về vật chất, hằng ngày treo cái gương hoạt-động tinh tấn và lợi lạc cho đời, thì mới có thể phá tan cái mầm ích kỷ hại nhơn, và làm cái kim chỉ nam cho sự hoạt-động tương lai của toàn thể nhơn loại.



M. le Gouverneur Général reçoit du Ministre des Colonies le télégramme suivant :

« Je me suis fait présenter les messages qui, à la suite des revers du pays, sont parvenus de tous les Territoires d'Outre-Mer. Je les ai lus avec la plus vive émotion. Dans une touchante unanimité, ils expriment l'attachement le plus étroit que jamais des populations coloniales, leur inaltérable reconnaissance des bienfaits de la Mère-Patrie. Ils sont un réconfort précieux pour le Gouvernement de la France. En vous remerciant, je fais appel à la discipline au travail, à la solidarité et à la confiance de tous. »

Ngày tháng và năm giáng-sanh và nhập-diệt của đức Phật-Thích-Ca

Lịch-sử của Phật là một điều khó khảo-cứu hơn hết, một là vì các vị đệ-tử thân-thừa của Phật chỉ chuyên giảng dạy giáo-pháp chứ ít đề đề ý đến lịch-sử, hai là vì ở Ấn-độ, người ta hay đặt tên trùng nhau và bỏ-cỏi lại chia ra nhiều nước, mỗi nước đều có Vua, có niên-hiệu khác nhau, lắm khi ông Vua này lại trùng tên với ông Vua kia, nên khó bề cứu-xét cho tường-tận.

Trong xứ ta, xưa nay thường theo « Châu-thơ-dị-ký » mà tưởng rằng: Phật giáng-sanh về mồng tám tháng tư năm Giáp Dần thứ 24 của Vua Chiêu-Vương đời Châu.

Châu-thơ-dị-ký có nói: « Vua Chiêu-Vương đời Châu, tức vị đã 24 năm, đến ngày mồng tám tháng tư năm Giáp Dần, bỗng thấy Sông, Suối, giếng, ao, nước đều dâng lên; Rừng, rúi đất, ruộng, khắp nơi rung-động, hào-quang năm sắc thẩu đến Thái vi, chói cùng bốn phương đều hóa thành sắc xanh, sắc đỏ. Vua hỏi quan Thái-sư tên là Tô-Do: « Đó là điềm gì? » Thì Tô-Do thưa rằng: « Có vị Thánh hơn sanh ở phương Tây, nên hiện điềm này ». Vua hỏi: « Về thiên hạ của nhà Châu, có quan-hệ gì không? » Tô-Do thưa: « Ngồi một ngàn năm nữa, ngôn-giáo sẽ truyền qua xứ này ». Thế rồi Vua Chiêu-Vương sắc khắc đá làm bia ký đề ghi câu chuyện ấy, chôn ở trước Đền Nam-giao ».

Lời Tô-Do nói rất hỗn-hảm, chưa hề chỉ đích là Phật giáng-sanh trong xứ Ấn-độ, thế mà đến đời Hôn-minh-đế, có vị Pháp-sư viện theo chuyện ấy mà nói rằng: « Phật giáng-sanh về ngày mồng tám tháng tư, năm Giáp Dần, đời vua Châu Chiêu-Vương ».

Về sau vua đời nhà Đường, trong năm thứ ba niên-hiệu Trinh-Quán, vì thấy lắm người căn-cứ rọi các Kinh-

diễn mới truyền sang mà chủ-trương nhiều thuyết khác nhau, nên hạ chiếu cho ông Lưu-đức-Oai, ông Pháp Lâm và nhiều vị khác; lập ra một ban để xét định thời-kỳ giảng-sanh và nhập-diệt của Phật. Các ông này lại định rằng: « Phật giảng-sanh về đời Vua Chiêu-vương nhà Châu và Phật nhập diệt về đời Vua Mục-Vương nhà Châu ».

Vua nhà Đường ban chiếu cùng khắp trong nước, quyết định y theo lời các ông ấy, nên từ đó về sau, không còn ai dám chỉ trích, và các nhà phát hành Kinh-diễn thường phải sửa đổi ngay giờ lại cho đúng với Chiếu-chỉ. Như đó mà trong nhiều Kinh như Kinh Phương-dãng-nê-hoàng, Kinh Phật-bát-nê-hoàn, về trước sau đều có nói rằng: « Phật giảng-sanh ngày mồng tám tháng tư, Phật xuất gia ngày mồng tám tháng tư, Phật thành đạo ngày mồng tám tháng tư, Phật nhập-diệt ngày mồng tám tháng tư ».

Lại trong nhiều Kinh, như Kinh Bồ-tát xứ-thai, thì nói là mồng tám tháng hai: mồng tám vì theo chiếu-chỉ nhà Vua; tháng hai vì dịch thẳng theo tháng Ấn-độ, hoặc vì nghĩ rằng: Đời nhà Châu lấy tháng Tý làm tháng giêng, thì tháng tư của nhà Châu tức là tháng Mão, nghĩa là tháng hai của đời nhà Đường.

Lại có người xem trong các Kinh nói Phật giảng-sanh vào ngày mồng tám tháng hai thì tưởng là tháng hai đời nhà Châu nên đem lui ngày giảng-sanh về ngày mồng tám tháng chạp.

Lại có nhiều người thấy trong Kinh Đại-bát Niết-bàn, dịch thẳng ngày Nhập-diệt là ngày rằm tháng hai, nên làm lễ Vía về rằm tháng hai.

Về sau, có người dung-hiệp các thuyết và chia các ngày mồng tám tháng chạp, mồng tám tháng hai, rằm tháng hai, mồng tám tháng tư, làm bốn lễ Vía của đức Phật Thích-ca. Cách sau này lưu truyền lẫn khắp nước Tàu, cho đến nước ta ngày nay, nhưng nếu xét rõ nguyên-hủy thì chỉ do lời ước đoán của ông Tô-Đo, chứ không căn-cứ nào khác nữa.

Muốn khảo sát một cách đúng-đắn lịch-sử của Phật, sau khi nhận biết những trường-hợp như trên, chúng ta quyết-định cần phải căn-cứ nơi các Kinh-diễn chữ Phạm và chữ Ba-ly.

Theo sự khảo-cứu của Tbầy Pháp-Châu là một vị Pháp-sư đã nhiều năm du-học ở Tích-Lan và Tây-Tạng và rất tinh-tưởng về chữ Phạm và chữ Ba-ly thì trong nguyên bản các kinh bằng chữ Phạm và chữ Ba-ly, đều nói : Phật giảng-sanh, xuất-gia, thành Đạo, nhập-diệt, về ngày trăng tròn tháng Vésákha.

Nguyên Âm-độ vẫn theo âm-lịch, một năm là mười hai tháng, chia ra làm ba mùa như sau này :

Mùa nóng	{	Tháng thứ nhất	:	Citta
		Tháng thứ nhì	:	Vésákha
		Tháng thứ ba	:	Jettha
		Tháng thứ tư	:	Asálha.
Mùa mưa	{	Tháng thứ năm	:	Savana
		Tháng thứ sáu	:	Potthapáda
		Tháng thứ bảy	:	Assayuja
		Tháng thứ tám	:	Kattika
Mùa lạnh	{	Tháng thứ chín	:	Maggasira
		Tháng thứ mười	:	Phussa
		Tháng thứ mười một	:	Mágha
		Tháng thứ mười hai	:	Phagguma

Hiện nay ở Tích-Lan cũng còn theo lịch ấy, mà tháng Citta chính là tháng ba (tháng Thìn) của âm-lịch Tàu; còn tháng Vésákha là tháng tư (tháng Tỵ) của âm-lịch Tàu. Vậy ngày trăng tròn tháng Vésákha, chính là ngày rằm tháng tư; Phật giảng-sanh, xuất-gia, thành Đạo và nhập-diệt đều ở trong ngày ấy. Hiện nay ở Tây-tạng, ở Ấn-độ, ở Tích-Lan, ở Diên-diên, ở Xiêm-la, ở Lào, ở Cao-mên, đều làm lễ Kỷ-niệm trong ngày rằm tháng tư (trừ các năm Nhuận thì có khi xê-rich một tháng).

Về thọ-khảo của Phật thì trong Kinh Đại-niết-bản tiếng Ba-ly chính Phật đã dạy rằng : « Tu-bạt-đa-la, lúc hai mươi chín

tuổi, tôi xuất-gia tìm cầu chánh-pháp; từ khi tôi xuất-gia đến nay đã được năm mươi một năm». Ông Tu-bạt-da-la là vị Đệ-tử sau rốt mà Phật đã hóa-độ trong ngày nhập-diệt, vậy thọ-khảo của Phật là: $29 + 51 = 80$ tuổi.

Trong Kinh niết-bản chữ Phạm ở Tây-tạng cũng có câu: « Tu-bạt-da-la, lúc 29 tuổi, tôi xuất-gia học Đạo, đến 36 tuổi tôi suy-xét Bát Thánh-đạo dưới cây Bồ-đề đến chỗ rốt-rao ma thành bậc Chánh đẳng Chánh-giác.» Vậy dầu theo Nam-phái (tiếng Ba-ly) hay Bắc-phái (tiếng Phạm), trong Kinh-diễn đều có nói Phật xuất-gia lúc 29 tuổi, đó là bằng-cớ rõ-ràng, không còn thuyết nào chen vào được nữa.

Còn về năm nhập-diệt của Phật thì xét trong tự-phẩm của bản thiện-kiến-luật chữ Ba-ly, có nói: « Về Lịch đại truyền-phủ luật-tạng thì tôi sẽ theo thứ lớp kê các danh-hiệu như sau này: thứ nhất là ông Ưu-ba-ly, thứ nhì là Đà-tả-Câu, thứ ba là Tu-na-Câu, thứ tư là Tất-đa-Bà, thứ năm là Mục-kiền-Liên-tử-đế-tu, năm ông Pháp-sur ấy ở cõi Diêm-phù-đề thứ-lớp truyền-phổ luật tạng cho nhau để khỏi đoạn-tuyệt cho đến khi tập lại luật-tạng lần thứ ba.

Sau khi tập luật-tạng lần thứ ba rồi, ông Mục-kiền-Liên-tử-đế-Tu lúc gần nhập-diệt, truyền-phủ cho đệ-tử là Ma-tê-Đà. Ông Ma-tê-Đà, con của A-dục-Vương, cầm luật-tạng đến nước Sư-tử (Tích-lan). Ông Ma-tê-Đà khi gần nhập-diệt thì truyền-phủ cho đệ-tử là ông A-lật-Sá, rồi từ đó truyền-thọ mãi mãi cho đến ngày nay. »

Lại cũng trong Thiện-kiến-luật, có câu: « Chúng-tăng thọ trai rồi, liền tôn ông Mục-kiền-liên-tử-đế-tu làm Hòa-thượng, ông Ma-ha-Đề-Bà làm vị A-Xà-Lê truyền-thọ thập-giới, ông đại-đức Ma-Xiềng-Đế làm vị A-xà-Lê truyền-thọ cụ-túc-giới; lúc ấy ông Ma-tê-Đà, tuổi đúng 20, thọ lãnh cụ-túc-giới,....., từ khi A-Dục-Vương lên ngôi, tới lúc đó đã được sáu năm » Lại nói: « Khi Vua A-dục-Vương lên ngôi được 18 năm, thì ông Ma-tê-Đà đến nước Sư-tử ». Lại nói: « Khi các vị đại-đức đến nước Sư-tử rồi thì ông Ma-tê-Đà làm vị thượng-tọa;

Rúc bấy giờ, Phật niết-bàn đã được 236 năm; năm ấy là năm Phật-pháp lưu-thông đến nước Sư-tử. »

Lại theo sử Tích-Lan, ông Ma-Tô-Đà qua truyền Pháp, chính trong lúc Vua đời thứ sáu, hiệu là Thiên-Ai-đế-Tu, mới tức vị được độ vài tháng; Vua Thiên-ai-đế-Tu tại-vị được 40 năm mới yển giá; con là Vua Ô-đề-Nha nối ngôi tại vị được 10 năm. Ông Ma-tê-dà nhập diệt về ngày 23 tháng 9 (lịch tàu) năm thứ tám của Vua Ô-Đề-Nha. Hiện nay, ở Tích-Lan vẫn còn kỷ-niệm ngày ấy, gọi là ngày Ma-tô-Đà.

So với Tây-lịch thì cái năm mà Vua Thiên-ai-đế-Tu tức-vị là Năm 247 trước Tây-lịch.

Vậy thì năm nhập-diệt của Phật tức là Năm : $247 + 236 = 483$ trước Tây-lịch; còn năm Phật giáng-sanh là Năm : $483 + 80 = 563$ trước Tây-lịch.

Các con số đó so với « Chúng-Thánh diêm-ký » thì in tưởng có sai mất ba Năm.

Chúng-Thánh diêm-ký nguyên do bởi đâu? Nguyên ông Ưu-Bà-Ly, sau khi Phật nhập-diệt, liền kiết-tập luật tạng; rồi đến ngày Rằm tháng bảy năm ấy, sau lúc tự-tứ, ông Ưu-Bà-Ly, lấy hương-hoa cúng-dường luật-tạng và chấm một chấm đèn trước luật-tạng. Mỗi năm, mỗi năm, ông Ưu-Bà-Ly cúng chấm như vậy; đến khi gần nhập-diệt thì ông truyền-phủ cho đệ-tử là ông Đà-tả-Câu. Ông Đà-tả-Câu mỗi năm, mỗi năm, cũng chấm như vậy, rồi đến khi gần nhập-diệt thì truyền-phủ cho đệ-tử là ông Tu-Na-Câu. Thầy trò truyền nhau mãi mãi, mỗi năm đến ngày tự-tứ cũng chấm một chấm, lần đến ông Tăng-già-Bạc-Đà-La. Ông này đem luật-tạng sang Tàu, ở chùa Trúc-Lâm, đất Quảng-Châu, dịch ra bộ Thiện-kiến-Luật trong năm Vĩnh-minh thứ bảy. Năm ấy, ông Tăng-già-Bạc-đà-La, sau khi tự-tứ, cũng theo khuôn-phép cũ, đem hương-hoa cúng-dường luật-tạng và chấm một chấm.

Từ khi ông Tăng-già-Bạc-Đà-La trở về Ấn-độ, các vị Luật-

sư bên Tàu chỉ phụng-thờ các chấm ấy, chứ không ai dám chấm thêm một chấm nào nữa.

Các chấm ấy, cộng được 975 chấm, gọi là Chúng-Thánh diêm-ký.

Lời nói trên là căn-cứ nơi « Lịch-đời-tam-hửu-ký » của ông Phi-trưởng-Phòng; xét ra thì năm Vĩnh-minh thứ bảy chính là năm 489 của Tây-lịch; vậy kể theo chúng-khánh-diêm-ký thì năm Phật nhập-diệt là Năm $975 - 489 = 486$ trước Tây-lịch, nghĩa là trội hơn số trước 3 năm.

Xét như vậy thì hai con số vẫn không phù hợp, nhưng xem lại trong « tam-tạng ký-tập » có nói: « Một vị Tỷ-kheo ở Kinh-sư tên là Tịnh-Tử, trong năm Vĩnh-Minh thứ 10 (492) đến Quảng-Châu ngày mồng 10 tháng ba, ra mắt ông Tăng-già Bạc-Đà-La và sao lại bỏ Thiện-kiến-Luật; ông Tăng-già Bạc-Đà-La năm ấy mới trở về Ấn-độ. » Thế thì ông Tăng-già Bạc-Đà-La còn ở Tàu cho đến năm thứ 10 niên-hiệu Vĩnh-Minh; trong lúc còn ở lại bên Tàu, chắc ông cũng mỗi năm đến ngày tự-tứ thì chấm một chấm và cái số 975 diêm là cái số diêm của năm Vĩnh-minh thứ 10 (492), chứ không phải số diêm của năm Vĩnh-Minh thứ bảy.

Khảo-cứu như vậy thì đầu theo Chúng-thánh-diêm-ký, một căn-cứ rất có giá-trị về Lịch-sử Phật ở Tàu, năm nhập-diệt của Phật cũng là: $975 - 492 = 483$ trước Tây-lịch.

Vậy theo lối khảo-cứu rất có căn-cứ của Thầy Pháp-Châu thì:

1) Phật Giáng-sanh, xuất gia, thành đạo, nhập-diệt về ngày trăng tròn tháng Vésākha, tức là ngày rằm tháng tư;

2) Phật giáng-sanh về năm 563 trước Tây-lịch;

3) Phật xuất-gia lúc 29 tuổi và thành-đạo lúc 36 tuổi;

4) Phật nhập-diệt lúc 80 tuổi trong Năm 483 trước Tây-lịch.

THÍCH-GIAI MỤC-NGƯU-ĐỒ

Mục-Ngư-Đồ là một con đường tu diễn ra bằng những bức vẽ, vẽ một người mục-đồng tìm bắt con trâu, và chẳng dlay con trâu càng ngày càng thuần thục, rồi trâu thường theo người, trâu và người đều thanh-tịnh, lần lần đến khi cả trâu và người đều đứng hiệp vào một vành tròn sáng-suốt, tức là đại-viên-kính-tri là thường trú chơn tâm. Có nhà lại thêm sau hai bức vẽ nữa đề chỉ rõ cái diệu-dụng của chơn tâm sau khi giác-ngộ.

Trong các bản Hội-viên của Hội Annam Phật-học thì mô phỏng theo các bức vẽ về lối thứ nhất, vì phía trên đã có tượng Phật làm tiêu biểu cho cái diệu dụng hoàn toàn của tự tâm.

Mấy năm trước đây, chúng tôi đã có ấn-tống Mục-Ngư-đồ bằng chữ nho, nhưng vì lời lẽ văn tắc, lý nghĩa sâu xa, nên phần đông độc giả quyền ấy tỏ ý phản nản không được hiểu rõ; vậy hôm nay chúng tôi xin thích-giải lại bản Mục-Ngư-đồ bằng quốc-âm đề cho toàn thể đạo-hữu nhận rõ một con đường tu hành của đạo Phật.

Các pháp tu hành của đạo Phật vẫn nhiều nhưng trong bước đầu không ngoài giới, định và huệ.

Theo lối tu về Giới thì mục-đồ tức là giới-thề, con trâu tức là nhục-dục, các sự phiền não, mê lầm; các điều phiền não, các sự dục vọng dong ruổi trong đường luân hồi, gây ra những nghiệp dữ làm cho thiện căn càng ngày càng suy kém. Đến khi nghe được giáo-pháp của Phật, biết sự lầm lạc, phát tâm tri-giới thì cái giới thề mới phát hiện, cái giới-thề tức là người mục-đồng vậy. Cái giới-thề thâu phục các vọng niệm, giữ cái thân không làm điều dữ, rồi giữ cái tâm không nghĩ điều dữ, đến khi tập lâu đã thuần thục thì thân và tâm đều yên lặng không vọng động nữa;

lần lần mỗi ngày mỗi thêm, toàn thể thân tâm tức là giới thể, không còn gì ra ngoài giới-thể thì chỉ có một mình giới-thể chứ không còn có thân tâm nữa. Song giới-thể theo đại-thừa Phật-giáo có **tam tụ tịnh giới** là : niếp-luật nghi-giới, niếp-thiện-pháp-giới và nhiều-ích-hữu-tịnh-giới. Khi luật nghi không thiếu, chỉ duy một giới thể rồi thì người tu hành theo niếp-thiện-pháp giới mà quán sát các danh tướng đối đãi toàn là huyền-hóa, tiêu diệt cái tướng giới-thể vào nơi chơn-như, rồi theo nhiều-ích-hữu-tịnh-giới phát khởi các diệu dụng của chơn như mà làm lợi-ích cho tất cả chúng sanh, đến khi cái diệu dụng đó được viên mãn tức là thành Phật.

Theo lối tu về **Định** thì con trâu là vọng tưởng, mục đồng là thuyền định ; lấy thuyền định đối trị vọng tưởng, từ thô-tướng cho đến tế-tướng, đoạn cho hết các cội gốc vọng-tướng thì chỉ còn cái trí chánh quán ; nhưng sở đoạn đã diệt thì năng đoạn cũng hết, sở quán đã tiêu thì năng quán cũng không thể còn một mình, nên cái tướng quán-trí cũng tiêu diệt vào chơn như tự tánh ; khởi cái dụng của Chơn-như cho đến chỗ hoàn toàn tức là thành Phật.

Lối tu về **Huệ** thì con trâu là phân biệt, mục-dồng là chánh-trí, lấy chánh-trí thâm phục cái tâm phân biệt, đến khi phân-biệt tức là chơn không thì chỉ còn chánh-trí mà thôi ; chánh trí là chơn-như-trí ; Chơn-như-trí đối với chơn-như-lý, nhưng ngoài trí không có lý, ngoài lý không có trí nên cả lý và cả trí đồng dung hiệp trong một tâm chơn-như. Phát khởi vạn hạnh theo tâm-chơn-như cho đến chỗ hoàn toàn tức là thành Phật.

Nói tóm lại, lối tu của Mục-nguru-đồ tức là đem **Giới, Định, Huệ**, của đạo Phật mà uốn. đẹp các sự phiền não, mê lầm. Các bức vẽ của Mục-nguru-đồ cốt để chỉ những từng bậc trong đường tu-tập.

1/ Bức vẽ thứ nhất mô-tả lúc bắt đầu tu-tập. Khi ấy con trâu thì lung đã lâu ngày, con người thì mới bắt đầu tập chơn, nên phải có chí cương quyết, tìm con trâu mà bắt cho được.

2/ Trong bức vẽ thứ hai thì người đã xô mũi trâu, nhưng trâu còn lung lảng, muốn rứt chạy, người phải nắm dây cho kỹ, cầm roi giữ thế mới khỏi bị trâu báng, khỏi bị trâu dứt dây chạy trốn. Lúc này là lúc khó nhất, lỡ chân một bước là không thể gượng lại, lâm khi đến nỗi bị trâu lôi kéo đến hang sâu vực thẳm, không còn gì là người nữa.

3) Trong bức vẽ thứ ba thì con trâu đã chịu phép, không dám vùng vẫy nhưng con người cũng còn phải nắm mũi trâu không rời, đi đâu thì giắt trâu đi theo, vì sợ thả lỏng thì khó bề dạy bảo.

4) Trong bức vẽ thứ tư thì con trâu hơi thuần, lúc nào cũng xoay đầu theo chủ, và người mục-đồng cũng đã rảnh rang, tuy còn cần phải coi ngó.

5) Trong bức vẽ thứ năm thì con trâu đã thuần-thục, mục-đồng đi đâu thì trâu đi theo đấy, mặt dầu ngao - du sơn thủy, nhưng trâu vẫn không rời một bên mình.

6) Trong bức vẽ thứ sáu thì trâu đã khôn ngoan, không lúc nào cần phải chần giữ ngó ngàng, mục-đồng mặt sức tiêu-diêu nhưng trâu vẫn không hề trái ý.

7) Trong bức vẽ thứ bảy, mục-đồng rảnh rang an nghỉ, trâu thường hầu hạ một bên, hiền lành như nhau, không còn việc gì phải chần nữa.

8) Trong bức vẽ thứ tám, trâu và mục-đồng an vui trong cảnh thanh tịnh, không cần đề ý đến nhau, nhưng lúc nào cũng đồng ý với nhau.

9) Trong bức vẽ thứ chín, trâu đã đồng ý với người thì trâu tức là người, người tức là trâu, nên không còn có trâu và chỉ có người trong cõi thanh tịnh sáng suốt.

10) Trong bức vẽ thứ mười, trâu đã không còn thì mục-đồng cũng không thành mục-đồng, nên tưởng người cũng tiêu mất, duy một thể chơn-như sáng suốt.

Đến thể chơn-như sáng-suốt này tức là chứng đến bực Bát-dịa-Bồ-Tát; Từ đó phát khởi diệu dụng, thuyết pháp độ

sanh, trau dồi sai-biệt-trí, nhưng không lúc nào rời chơn như đến khi diệu dụng được hoàn toàn tức là thành Phật.

Người tu hành theo Mục-Ngư-Đồ cốt nhứt phải giữ gìn cho con người được mạnh mẽ, phải biết con trâu là thế nào đề bắt mà chăn dắt, bắt được rồi phải siêng năng chăn dắt trong lúc ban đầu, chịu khó, chịu nhọc cho đến khi trâu thuần thục thì mới chắc khỏi bị lầm đàng lạc nẻo.

VIÊN ÂM

ĐẠI Ý KINH THỦ - LĂNG - NGHIÊM

(Tiếp theo)

PHẬT CHI RÕ CHỖ VỌNG - SANH TƯƠNG TỤC (Tiếp theo)

Ông Phú-Lâu-Na nghe Phật dạy chỗ vọng-sanh tương-tục rồi thì lại nghi rằng theo lời Phật dạy, tâm tánh của chúng-sanh và tâm tánh của Phật vẫn bằng bực như nhau, không thêm không bớt, bỗng nhiên vì vọng-niệm sanh ra các tướng hữu-vi, lại chỗ Phật chứng là chứng được tâm-tánh ấy mà thôi, vậy hiện tuy Phật không còn các tướng-hư-vọng, nhưng về sau biết đâu lại không sanh ra các tướng-hư-vọng như chúng sanh. Ông Phú-Lâu-Na nghi như vậy vì ông còn nhận cái vọng là thực sự nên cũng còn nhận cái giác là thực-sự vậy.

Phật nhưn đó lấy nhiều ví-dụ mà chỉ cho ông biết rằng bỏ-đỡ niết-bàn của Phật không lúc nào sanh ra được các vọng tương:

Cũng như một người vào trong một xóm đường nẻo quanh co, nhận lầm phương Nam làm phương Bắc,

thì người ấy tuy làm, nhưng người ấy vẫn là người ấy, làng xóm vẫn là làng xóm, phương hướng vẫn là phương hướng không hề thêm bớt. Đến khi có người chỉ cho biết sự làm lạc, người ấy nhận phương hướng đúng rồi thì tuy trước sau cảnh vật thân thể như nhau, nhưng quyết định người ấy không thể còn làm hướng này làm hướng khác. Cái làm như vậy thiệt không có căn cứ, hề biết được là làm thì còn thể nào mà làm lại được nữa.

Lại như một người bị bệnh lòa mắt thấy giữa hư-không có hoa đốm, đến khi con mắt hết lòa thì hoa đốm giữa hư-không cũng mất, xét ra thì chính lúc có hoa đốm giữa hư-không cũng chỉ là vì bệnh mà thấy, thiệt ra hư không chưa hề có hoa đốm; thấy có hoa đốm sanh, hoặc mất đi giữa hư không đã là một điều sai lầm lắm rồi, lẽ đâu có người lành bệnh rồi lại còn ước mong hư không sanh ra hoa đốm! Các tướng hữu-vi đều là huyền-hóa cũng như hoa đốm giữa hư-không; thấy có cái mẹ, có cái hết mẹ, đối với bậc giác-ngộ đã là sai lầm rồi, huốn nữa là phát sanh lại cái tướng hữu-vi.

Lại như vàng ròng lộn trong đá mỡ, nếu luyện ra được vàng ròng rồi thì không thể còn lộn vào trong đá, tâm tánh bị che lấp bởi các vọng-tướng, nếu một phen nhận được tâm-tánh rồi thì quyết định không lúc nào có xen lộn với vọng tướng.

Lại như cây đốt ra tro không thể đâm chồi mọc lá, các đức Phật đã giác-ngộ hoàn-toàn, diệt hết các cội gốc mê lầm thì làm sao còn sanh ra vọng tướng được nữa.

Nói tóm lại tâm-tánh vẫn là tâm-tánh, chúng sanh một mặt theo vọng-tướng, nhưng tâm-tánh cũng không hề bớt, chư Phật nhận rõ tâm-tánh, trừ hết cội gốc vọng-tướng, nhưng tâm-tánh cũng không hề thêm nhưng đã nhận rõ cái làm rồi thì quyết định không thể làm, đã dứt tâm đúng với tâm-tánh rồi thì quyết định không thể còn theo vọng-tướng.

(Còn nữa)

Kinh thủ lãng-nghiêm

diễn-nghĩa (tiếp-theo)

« Ông Phú-Lâu-Na, lại ông hỏi về bản tánh viên dung cùng khắp pháp-giới của địa thủy hỏa phong, nghi sao nước và lửa không tiêu diệt lẫn nhau, sao hư-không không hình-tượng và đại địa có hình-tượng lại đều cùng khắp pháp-giới, vì lẽ ra thì không thể dung nhau đặng. Nầy ông Phú-Lâu-Na, ví dụ như thể-tánh hư-không vốn không phải là các tướng, cũng không ngăn cấm sự phô bày của các tướng. Sở dĩ vì sao? Nầy ông Phú-Lâu-Na, như cái thái-hư-không kia, mặt trời soi thì sáng, mây ùn thì tối, gió thổi thì động, tạnh ráo yên lặng thì trong, mù đọng lại thì đục, bụi bay lên thì mờ, nước dọi ra thì lỏng lạnh. Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu-vi sai khác như trên, lại là hơn các cái kia mà sanh ra hay là từ nơi hư-không mà có? Ông Phú-Lâu-Na, nếu hơn các cái kia mà sanh thì khi mặt trời soi, cái sáng đã là cái sắc của mặt trời, thập phương thế-giới toàn là cái sắc của mặt trời cả, làm sao ở giữa hư-không lại còn thấy vừng mặt trời được. Nếu do hư-không mà có sáng thì cái hư-không lẽ phải tự soi lây, làm sao trong lúc ban đêm mây mù, lại không sanh ra sáng-suốt? Vậy ông nên biết cái sáng như vậy cũng không phải là mặt trời, cũng không phải là hư-không, nhưng cũng không ra ngoài hư-không và mặt trời. Xét các tướng vốn là vọng, không thể chỉ bày, cũng như muôn

cho hoa-đồng hư-không kết thành cái trái hư-không, lẽ nào còn gạn hỏi sự không diệt lẫn nhau! nhưng xét cái tánh vốn là chơn, chỉ là diệu giác minh, cái tâm diệu-giác-minh, vốn không phải là nước hay là lửa, lẽ nào còn gạn hỏi chỗ không dung đặng nhau!

Cái chơn tâm-diệu-giác-minh in như cái ví dụ trên kia; tâm ông phát-minh cái tướng hư-không, thì có hư-không hiện ra, phát minh các tướng như địa, thủy, hỏa, phong thì mỗi cái, mỗi cái hiện ra; nếu đồng thời phát-minh thì đồng hiện một lần. Thế nào lại đồng hiện? Ông Phú-Lâu-Na, ví như trong một dòng nước hiện ra cái bóng mặt trời, hai người đồng xem bóng mặt trời trong nước, rồi người đi phương Đông, người đi phương Tây, mỗi người mỗi ngả, thì mỗi người đều có một cái mặt trời theo mình, một cái đi qua phương Đông, một cái đi qua phương Tây, vẫn không nhứt định là phương nào. Vậy không nên gạn hỏi rằng: mặt trời kia là một, làm sao có mỗi cái đi một ngả? mặt trời đi phương đông, mặt trời đi phương tây, đã làm hai cái, sao trước kia chỉ thấy có một? cái hư-vọng nó quanh lộn đèn thề, không thể lấy gì làm bằng cứ.

Ông Phú-Lâu-Na, ông đem cái sắc và cái không, cho nó lẫn nhau cướp nhau trong như-lai-tạng thì như-lai-tạng cũng theo ông làm sắc, làm không, cùng khắp pháp-giới. Vậy nên trong ấy, gió thì động, không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối; các chúng sanh mê muội, trái với bản giác, theo dõi trần cảnh nên phát sanh các trần-lao phiền-não, tạo thành các tướng thế-gian. Còn tôi lấy cái diệu-minh bất-diệt bất sanh mà hiệp với như-lai-tạng thì như-lai-tạng

chỉ là tánh diệu giác minh soi khắp pháp-giới; vậy nên trong ấy, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, cái đạo-trường bất-động kia cùng khắp thập phương thế-giới, cái thân trùm cả hư-không vô-tận mười phương, nơi đâu một sợi lông hiện ra Bửu-vương-sát (tức là Phật sát: một ngàn triệu thế-giới), ngồi trong một vi-trần mà chuyển đại pháp-luân, vì diệt hết trần-tướng, hiệp với giác-tánh nên phát ra cái chơn-như diệu giác minh tánh.

Mà cái như-lai-tạng-bản-diệu-viên-tâm là không phải tâm, không phải không, không phải địa, thủy, hỏa, phong, không phải nhãn, không phải nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, không phải sắc, không phải thanh, hương, vị, xúc, pháp, không phải nhãn thức giới cho đến cũng không phải là ý thức giới, không phải minh, không phải vô minh, minh tận hay vô-minh-tận, cho đến cũng không phải lão tử, không phải lão tử tận, không phải Khổ, không phải Tập, không phải Diệt, không phải Đạo, không phải Trí, không phải Đắc, không phải đàng na (bồ thí), không phải thi-la (tri-giới), không phải tỷ lê-gia (tinh-tân), không phải săng đê (nhẫn-nhục), không phải thuyền-na (thuyền định), không phải bát-lật-nhã (tri huệ), không phải Ba la-Mật-đa, cho đến cũng không phải Đát-thát-a-kiệt, (như-lai) không phải A-la-ha-tam-gia-tam-bồ (ứng cúng chánh biến tri), không phải đại-Niết-bàn, không phải đức Thường, không phải đức Lạc, không phải đức Ngã, không phải đức Tịnh, vì cái ấy đều không phải các pháp thế gian và xuất thế gian vậy.

Tức chỗ diệu / của Như-lai-tại-gi nguyên-như-

tâm thì lại tức là tâm, tức là không, tức là địa, thủy, hỏa, phong, tức là nhân, tức là nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý, tức là sắc, tức là thanh hương, vị, xúc, pháp, tức là nhãn-thức-giới, cho đến cũng tức là ý-thức-giới, tức là minh, là vô minh, là minh tận, là vô minh tận, cho đến cũng tức là lão, tử, là lão tử-tận, tức là khổ, tức là tập, tức là diệt, tức là đạo, tức là trí, tức là đắc, tức là đẳng na, tức là thị-la, tức là tỳ-lê-gia, tức là sàng-đề, tức là thuyên na, tức là Bát lật nhã, tức là Ba la-Mật đa, cho đến cũng tức là Đắc-thác-a ki t, tức là A-la-ha tam-gia-tam-bồ, là đại Niết bàn, tức là đức Thường, tức là đức Lạc, tức là đức Ngã, tức là đức Tịnh, vì chỗ ấy đều tức là các pháp thế-gian và xuất-thế-gian vậy.

Mà chính bản tánh của Như-lai-tạng-diệu-minh tâm là ly cái tức, ly cái phi, mà cũng tức cái tức, tức cái phi tức, thì làm sao chúng sanh ba cõi thế-gian và các hàng thanh-văn duyên-giác xuất thế-gian đem cái tâm sở-tri mà đo lường được cái vô thượng Bồ-đề của Như-Lai, dùng lời nói phô của thế-gian mà nhập được cái tri-kiến của Phật!

Ví như những cái đòn cạm sắt, không-hầu, tỳ-bà, tuy có cái tiếng hay nhưng nếu không có ngón tay hay thì rớt cuộc cũng không phát ra tiếng hay đặn; thì ông và chúng sanh cũng đều như vậy, cái bảo-giác-minh-tâm ai ai cũng đều trọn đủ, mà tôi nhận ngón tay thì nơi Hải-an đã phát ra trí-quang, còn các ông mới móng lòng thì trần lao đã nổi; đó chỉ vì các ông không siêng năng quyết cầu vô-thượng, giác-đạo, cứ ưa mến pháp tiểu-thừa, đặn một ít đã cho là đủ.

(còn nữa)

CUỘC XỔ SỔ ĐÔNG-PHÁP

Năm 1940

(Sắc lệnh ngày 20 tháng 8 năm 1939 — Nghị-dịnh
ngày 7 tháng 11 năm 1939)

Phát hành lần thứ hai: 1.200 000 vé

Chia ra làm **BỐN BỘ** (A-B-C và D) mỗi
bộ **300.000** vé, xổ ngày 13 tháng 6, 18 tháng
7, 22 tháng 8 và 26 tháng 9 năm 1940.

MỖI BỘ CÓ :

1 số trúng	10.000\$
10 — trúng	1.000
30 — trúng	500
120 — trúng	100
300 — trúng	50
900 — trúng	20
6000 — trúng	10

Ba lô lớn chung cho bốn lô là những lô này :

1 lô	20.000\$
1 lô	40.000
1 lô	100.000

Lô nào trúng mà không lĩnh trước ngày
26 tháng 3 năm 1941 thì cuộc Xổ Sổ Đông-
Pháp được hưởng.

CHÚ-Ý; — Những vé hoặc trúng hoặc không trúng
trong bốn kỳ xổ riêng của bốn bộ cũng được dự vào
cuộc xổ chung lấy ba lô lớn.

NHƠN MINH TỔNG LUẬN

(tiếp theo)

(VIII) *Cái Nhơn không thể trái với tự-tướng của tánh cách năng-biệt nơi cái Tôn.* — Như trong Cái Tôn: « cái tiếng là thường » thì cái tiếng là sự-vật sở-biệt, còn thường là tánh cách năng-biệt; cái tự-tướng của cái năng-biệt ấy là thường còn mãi mãi không thay không đổi. Nếu như có người lập cái thuyết: « Cái tiếng là thường, vì có tánh sở-tác » thì người ấy đã lập cái nhơn trái hẳn với cái tánh-cách năng-biệt của Tôn, vì ai cũng biết cái tánh sở-tác là trái với cái tánh thường; vậy người ấy đã phạm cái lỗi gọi là « Pháp tự tướng tương vi nhơn ».

IX) *Cái Nhơn không thể trái với ý-nghĩ của bên lập đối với cái năng-biệt.* — Ví như có nhà nhứt-thần-giáo muốn bình vực cái thuyết tạo-hóa, lập cái lý-luận như vậy: « Thế-giới tất phải do cái khác sanh ra, vì là hiện có, như cái bàn », thì trong ý-nghĩ của nhà nhứt-thần-giáo đối với cái năng-biệt, cốt muốn chỉ cái khác ấy là ông Tạo-hóa độc nhứt vô nhị thường còn không mất; nhưng cái nhơn của họ xét ra thì lại trái hẳn với cái ý-nghĩ của họ, vì các vật hiện có đều do nhiều cái khác tạo ra và các cái khác ấy đều là vô-thường cả. Nhơn đó bên địch có thể dùng cái nhơn của họ mà bác cái ý-nghĩ của họ như sau này: « Thế giới tất phải do nhiều cái vô - thường khác sanh ra, vì là hiện có, như cái bàn ». Cái thuyết này của bên địch lại là đúng hơn, vì cái bàn do nhơn công, do khí cụ, do nhiều miếng gỗ nghĩa là do nhiều cái vô-thường khác tạo-thành. Vậy cái nhơn của nhà nhứt-thần-giáo kia chẳng những không thành lập được cái thuyết Tạo-hóa theo ý nghĩ của mình, mà lại thành lập một cái thuyết trái hẳn với Tạo-Hóa nên phạm cái lỗi gọi là « Pháp sai biệt tương vi nhơn ».

X) *Cái nhơn không thể trái với tự-tướng của sự-vật*

sở-biệt nơi Tôn.— Ví dụ như có người lập cái thuyết : « Có một cái ra ngoài vũ trụ, vì không thể nhận biết được như hư-không », thì cái nhơn « không thể nhận biết được » ấy cũng có thể thành lập cái thuyết như vậy : « Không có một cái gì ra ngoài vũ trụ vì không thể nhận biết được như hư-không », và cái nhơn ấy chẳng những không thành lập cái thuyết « có một cái » mà trở lại thành lập cái thuyết « không có một cái gì » nghĩa là cái thuyết trái hẳn với tự-tướng của sở-biệt, nên phạm cái lỗi gọi là « Hữu pháp tự tương tương vi nhơn ».

XI) *Cái nhơn không thể trái với cái ý-nghĩ của bên lập đối với cái sở-biệt.*— Ví dụ như có người lập cái thuyết : « Có một cái thường còn không mất, vì không hề thay đổi như hư-không » ; nếu như ý người đó muốn chỉ cái ấy là ông trời, là Tạo-Hóa sanh ra muôn vật thì bên địch có thể bác như vậy : « Có một cái thường còn, nhưng không phải là ông trời, là Tạo-Hóa và không thể sanh ra vật gì được, vì không hề thay đổi, như hư-không ». Chính cái hư-không thiệt không phải là ông trời, là Tạo-Hóa và không sanh được vật gì ; nên cái lý luận bên địch lại là xác đáng hơn, và bên lập đã phạm cái lỗi gọi là « Hữu pháp sai biệt tương vi nhơn », vì đã lập một cái nhơn trái với ý-nghĩ của mình đối với sở-biệt.

Nói tóm lại muốn lập cái nhơn cho đúng thì cần phải đủ ba điều kiện.

1) Cái nhơn phải được bên lập và bên địch, ít nữa là bên địch, công nhận là một tánh cách của sự-vật sở-biệt.

2) Trong sự vật đồng-phẩm, nghĩa là đồng có tánh cách năng-biệt, ít ra cũng có một vài cái có tánh cách của cái nhơn ấy.

3) Trong sự-vật dị-phẩm nghĩa là những sự-vật trái hẳn với năng-biệt, quyết-định không có một vật nào có tánh cách của nhơn ấy.

Đủ ba điều kiện ấy rồi, lại phải lựa cái nhơn thế nào cho đúng trái với sở-biệt năng-biệt, hoặc đúng trái với ý-nghĩ của mình đối với năng-biệt sở-biệt thì mới thiệt là cái nhơn đúng đắn.

VIÊN-ÂM (Còn nữa)

ĐÃ ĐẾN THỜI KỲ KIẾN THIẾT

NỀN PHẬT HỌC QUỐC-VĂN CHƯA?

Xem các nước trên thế-giới — trừ những nước dã-man chưa khai hóa nước nào cũng có một văn-hóa riêng, để làm nền tảng giáo-dục trong nước, để hiệu triệu quốc-dân, và mở-mang tư tưởng trí thức cho dân chúng. Nền nước nào văn-hóa dồi-dào, dân trí nước ấy mới giàu mạnh, vận-mạng nước ấy mới vững-vàng... Ở trong văn-hóa, các tôn giáo, các học thuyết lại phải kiến lập một nền văn-học thích hợp với trình độ trí thức của dân nước ấy, để làm phương pháp truyền bá tư tưởng. Nếu thứ văn-học của tôn-giáo nào, học thuyết nào bị thấp kém hay không thích hợp, thì không những tạo thành một sự trở ngại lớn trên con đường truyền bá, mà vận-mạng của tôn giáo ấy, học thuyết ấy e cũng khó thể đứng vững được.

Nước Việt-Nam ta hấp thụ văn-hóa Á-Châu đã mấy ngàn năm, thọ giáo cùng nước Tàu, nên nhứt nhứt các môn học thuyết đều y sách Tàu truyền bá ; nói đến đây, xin các nhà tân học chớ vội cho môn học cũ ấy là đồ vật đáng bỏ, và cũng chớ nên vội kết tội thứ văn-hóa ấy là môn thuốc độc, làm mất giá trị nghị lực của loài người. Theo ngu ý tôi, sự học đã là một cái chìa khóa mở trí-thức, thì dù một nền học thuyết ở xứ nào, thời nào, cũng đã trải qua bao nhiêu thế kỷ, bao nhiêu tay trí-thức kiến thiết, sửa đổi, trao đổi, mới tạo thành một nền có giá-trị, có cương mục, có lý luận ; dù thứ văn-hóa ấy không hợp với tâm lý của người đời nay, song chắc nó đã giúp cho nhơn loại quá khứ nhiều điều hay, mà chưa biết chừng nó sẽ giúp cho lớp nhơn loại tương-lai sau này nữa.

Nay tôi xin gác qua sự so sánh của hai văn-hóa Âu-Châu và Á-Châu, lợi hại sau này thời gian sẽ trả lời cho chúng ta biết bằng các hiệu quả hiển-hiện. Ở đây tôi chỉ bàn về vấn đề Phật-học, và tôi chỉ dừng về phương diện ấy mà lập trường. Như trên tôi đã nói, vì nước ta hấp-thụ văn-hóa Tàu, nên Phật giáo truyền sang xứ ta cũng do kinh điển chữ Tàu mà truyền bá, vì thế mà giáo lý của Phật khó phổ cập khắp quần chúng, nhất là thời bây giờ.

Xét về trong kinh sách chữ Tàu và chữ nôm, ở Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ, cũng có nhiều nhà sư giải-thuật, song không có được mấy bộ xuất-sắc, riêng về chữ nôm cũng được năm, mười quyển, chép theo văn lục bát, lưu truyền trong dân gian đến ngày nay; những quyển sách của các ngài tuy chưa mấy bộ được hoàn-toàn như sách của các nước, song công đức các sách ấy đối với nhân-dân Phật-tử Việt-Nam không phải là nhỏ. Nay trình độ dân trí đã khác, đã bước đến một giai đoạn mới, những quyển sách ấy không hợp thời cơ, nên cần phải có những quyển sách bằng quốc-văn, cho hợp trình-độ dân-trí và nền văn-học nước nhà, mới mong duy trì đạo tâm của tín đồ được.

Khi chúng ta đã xét rõ Phật-pháp có lợi ích rất lớn cho nhơn tâm, chúng ta cần phải nương Phật-pháp mà duy trì nền đạo-đức trong nước, nương Phật-pháp mà kiến-thiết một nền học thuật cho rõ ràng chơn chánh, nhất là phải nương Phật-pháp mà đào tạo nhơn tâm cho trở nên các tánh mạnh mẽ, hy sinh, tự lập, hầu bỏ những tánh ỷ lại, yếu hèn, ích-kỷ, là những tánh xấu làm mất giá-trị nghị lực của nhơn loại.

Nói đến Phật-pháp, tôi lại nhớ câu chuyện của một nhà bác-sĩ khoa-học chuyên-môn ở Nam-Kỳ bình-luận Phật-pháp. Ông ta nói: « Tôi không ngờ đức Thích-Ca chính là một ông tổ khoa-học, ông tổ cả các môn học-thuật trong thế-giang. Sau khi tôi đọc được mấy bộ kinh bằng chữ tây và hồng-mao, tôi mới rõ Phật-pháp là gốc của các môn học khác,

Ông lại nói: « Ước gì trong nước ta những nhà lưu tâm về Phật-học lập ngay một nền Phật-học bằng quốc-văn để giúp cho phái thanh-niên sau này đủ có tài liệu mà nghiên-cứu Phật-lý, thì qui hóa có gì bằng! chớ sách chữ Tàu và các nước khó cho người An-nam làm tài liệu nghiên-cứu ».

Ta hãy xem những tạng kinh các nước: Nhật-Bản, Trung-Hoa, Tây-Tạng, Mông-Cổ, không có nước nào không phiên dịch thành tiếng nước mình, và họ đã lập thành một nền Phật-học cho trong nước. Còn các nước Âu-Châu, như là: Anh, Mỹ, Pháp, Đức v... không nước nào không dịch kinh sách, nhiều nhất là kinh dịch tiếng Anh và tiếng Đức, họ dịch gần đủ cả tạng kinh tiếng Phạn và Pāli.

Xem người lại ngẫm đến ta, dù nước ta là nước nhỏ, song đã gọi rằng Phật-quốc, lẽ nào không gây được một nền Phật-học quốc-văn, cho thích hợp với nền văn-hóa nước nhà,ặng mưu phần lợi ích cho dân chúng. Dù công việc phải trải bao nhiêu năm, tháng, nhưng có ban đầu thì sau này mới mong có ngày kết quả.

Huống nữa, hiện thời tín đồ đạo Phật rất nhiều người khao khát muốn hiểu Phật-lý, muốn thật hành Phật-pháp, các hội Phật-giáo cả ba Kỳ đã gây phong trào học Phật, mà sách đọc còn đương ít; nhà nho học muốn so sánh nho-giáo và Thích-giáo; nhà tân học muốn so khoa học, triết học với Phật-pháp v.v..., mà những bài biện luận trong các tạp chí Phật-học cũng chưa đủ làm tài liệu cho những người nghiên cứu ấy, ấy là chưa nói đến hạng người ưa đọc sách phổ thông, phụ nữ ưa đọc sách cho hiệp tâm-lý phụ-nữ, người già lại muốn hiểu rõ kinh sách cho hiệp tâm-lý của người già v.v..., còn bao nhiêu là hạng tín đồ trong xã-hội chưa có sách mà đọc.

Chúng ta thử ngó qua lối tổ-chức về kinh sách của các tôn-giáo khác, như đạo Thiên-Chúa thiết mật truyền bá ở An-nam ta vừa trên năm sáu mươi năm nay, mà kinh sách bằng quốc-văn ra đủ, tín đồ hạng nào cũng có Sách để đọc, nhờ vậy mà tín đồ của họ ngày một thêm nhiều.

Còn Phật-giáo truyền qua Việt-Nam ta đã trên một ngàn năm, mà về phần giáo-lý chưa thấy có thời nào phát triển: ấy vì ảnh hưởng, « học Tàu lại » của người Việt-Nam ta, với

tại cái óc ỷ lại, theo mù, không biết sáng tạo — ôi! giáo-lý đã mở ám suy đồi, thì lấy đâu mà được trí thức sáng suốt? sở dĩ lý-Phật ngày càng khuất ẩn! tăng-già hầu hết ngờ, ngờ ngát ngát, chẳng biết đạo-lý là gì! Trách nào Phật-pháp không bị người ta khinh thường, không phổ cập nhân-gian không giúp ích cho quần chúng.

Nay phong trào Phật-giáo chấn hưng tuy đã lan khắp, nhưng kinh sách bằng chữ Tàu, với thời bây giờ không mấy người đọc được, còn kinh sách bằng quốc-văn chưa có bao lâu, nếu không hơn lúc này mà sáng tạo nên một nền Phật-học quốc-văn, thì e khó phổ thông việc giáo-dục trong tăng-già, khó mà duy trì tín tâm của toàn thể tín-đồ trong nước. Một điều mà ta phải nhận rõ: người An-nam nói tiếng An-nam bao giờ cũng lão luyện hơn, đọc văn An-nam bao giờ cũng thông suốt hơn. Vậy trong thời kỳ này là thời kỳ chữ quốc-văn đã phổ thông, có chi thích hợp bằng là ta đề xướng vấn-đề Phật-học quốc-văn, gây dựng nền Phật-học quốc-văn, trước đề làm phương pháp giáo-dục trong tăng-già cho được phổ thông trí thức, hầu bớt nạn thất học và đặng đề về phần đào luyện hơn-tài ra hoảng dương Phật-pháp, sau lại cho thích hợp trình-độ học-thức văn-hóa của nước nhà, đề cho các nhà hữu tâm có tài liệu nghiên-cứu, các tín-đồ có sách mà đọc, hầu mong Phật-pháp phổ-cập nhân-gian, người người đều được thấy rõ yển sáng chơn-lý của Phật, đều được thấm-nhuần công-đức của Phật-pháp, thì có gì quý hóa, hạnh phúc bằng?

Bây giờ là thời cơ đã đến, các nhà hữu tâm, các bạn đồng chí hãy mạnh mẽ vì hiện-tại và tương-lai, mà hô hào cổ động, mà kiến-thiết tổ-chức, những sự-nghiệp vĩ-dại rực-rỡ sau này đương đợi chúng ta, nhúng tay vào làm việc, ta phải luôn luôn hăng hái và mạnh mẽ mà tiến tới.

Mong rằng Phật-giáo ở nước Việt-Nam ta, rồi đây sẽ bước đến một giai-doạn mới, sẽ mở một kỷ-nguyên mới trên lịch-sử Phật-học nước nhà, nghĩa là có một nền Phật-học quốc-văn chơn chánh, thiện mỹ.

MẬT-THE

KÍNH CẢO

Cùng thập-phương đạo-hữu

Ai muốn trừ tà hộ mạng, cầu nguyện phước đức, nên đeo Phật-chương trong mình và nên treo Phật-Tượng trong nhà luôn luôn.

Các hạng Phật-chương

Kiểu A. — Từ số 1990 Tượng Đức Thích-Ca Phật-Tổ, trong trắng sành, ngoài khảm pháp-lam, có câu Kinh và có kim khuy để đeo giây. Giá từ 0\$45 bằng đồng đến 400\$00 bằng vàng và có nhận các hạng hột xoàn.

Kiểu B. — Từ số 2000 tượng đức Phật Thích-Ca

Từ số 2010 — — Di-Lặc

Từ số 2020 — — Di-Đà

Từ số 2030 — — Quan-Âm

Từ số 2040 — — Quan-Thánh

Từ số 2050 — — Thánh-Mẫu

Kiểu B Tượng mẫu, mình trắng, xung quanh đồ, trên bằng nhơn sừng, có câu Kinh và có kim khuy để đeo giây hoặc trục. Giá từ 0\$55 bằng đồng đến 160\$00 bằng vàng và có nhận các hạng hột xoàn.

Các hạng Phật-tượng và Thánh-tượng:

Từ số 2060 (không khuôn hoặc có khuôn gương) giá từ 1\$50 đến 3\$50 một bức.

Các hạng giây đeo

Từ số 1956-A giá 0\$07 đến số 1956-G giá 30\$00

Các Chùa, Đền, Miếu, Điện, Hội Phật cùng Thập-phương Thiện-nam tín-nữ, ai muốn xem giây kẻ hàng đủ các số (xin kèm con tem 0\$06 đề gởi) hoặc muốn thỉnh bao nhiêu, xin gởi ngân-piếu và thơ cho nhà Tổng-phát-hành là:

Giấy thép nói số 66 Hué
Giấy thép tất: Laethuyvien-Huế

Nhà Laethuyvien

Mme Phamthitrac

N° 12 Rue Doudart de Lagrée

Huế (Annam)

TIÊU TỨC

Tin trong Hội

Tổng-trị-sự. — Về việc hoảng pháp vì tình thế T.T.S. định tạm hoãn và sẽ nghĩ đến, khi nào tình hình yên ổn.

Về Viên-Âm, T.T.S. định chuyển lo về biên tập, còn phần xuất bản và phát hành thì giao cho đạo-hữu Tráng-Đình sẵn sóc, vì mấy lâu nay việc cổ động không được chu đáo.

Đăng quảng cáo là thuộc về việc buôn bán, viên-âm không chịu trách nhiệm về đạo lý; như có một vài đạo hữu gửi thư về hỏi.

Đúc Tượng Phật.

Tại chùa Từ-Đàm đường Nam-Giao (Huế) Hội Annam Phật-Học tỉnh Hội Thừa-Thiên, sẽ làm lễ đúc tượng Phật để thờ tại Hội quán.

Tượng này rất mỹ thuật do đạo hữu Nguyễn-khoa-Teàn tự tay nắn cốt, đạo hữu Nguyễn-hữu-Tuân đúc tượng.

Lễ rót đồng sẽ khởi hành ngày 15 tháng 7 Annam khi 8 giờ mai (có ảnh đăng ở Đ.P.).

Hỏi chúng tôi rất trông mong toàn thể tín đồ thành tâm chú nguyện cho Phật-Sự chúng tôi được Viên-mãn.

Annam Phật-học tỉnh hội Thừa-Thiên Kính-cáo.

Tỉnh-hội Thừa-thiên. — Ngài Châu-Lâm Trụ-trì Hội-quán và đạo-trưởng Lê-dinh-Thám, luân phiên giảng kinh thiện-sinh và kinh sách.

Số Hội-viên cộng 827 người.

Tỉnh Hội này hiện đang tạo cốt Phật để đức tượng thờ tại Hội-quán.

Tỉnh-hội Đồng-Hới. — Số Hội-viên hiện hơn 800 người.

Trong dịp lễ Khánh-đản, có phát gạo cho người nghèo khó, và có cuộc hành lễ của một ban đồng-ấu hát các bài tán dương Phật giảng-sanh.

Tỉnh-hội Tourane. — Đạo-hữu Phạm-văn-Siêu giảng về «Phật-pháp với sự tấn-hóa của nhơn loại», đạo-hữu Lê-quang-Ngoan, nói về «học Phật» giảng sự Đôn-Hậu giảng về «thế nào mới gọi là người học Phật».

Trong lễ mừng 8 tháng tư, có phát chăn và phát sách «Bước đầu của người tin Phật».

Số Hội-viên đến cuối Mai cộng 360 người.

Tỉnh-hội Fafoo. — Thầy Đôn-Hậu có giảng về «Tại sao người cần phải tu» và thầy Chánh-Trí nói về «Lịch sử đức Thích-Ca» số thỉnh gia ước gần 1000 người.

Số Hội-viên là 360 người.

Trong dịp Khánh-đăng, có hơn 500 người đến lãnh chăn.

Mỗi tuần tối thứ 7 một đạo-hữu có chân trong đàm thuyết, đọc một bài giảng do mình làm lấy.

Tỉnh-hội Quảng-ngãi. — Có tổ chức nhiều cuộc giảng-giải ở Hội-quán và ở các ban tịnh độ.

Số Hội-viên đến 31-5 cộng 2819 người.

Tỉnh-hội Bình-dịnh. — Hòa thượng Bích-Liên giảng về «Tu là gì» và «Tu Phật có ích gì» đạo-hữu Nguyễn-mạnh-Trường có nói về «Mục đích Hội Annam Phật-học».

Số Hội-viên hiện được 860 người.

Giao thiệp nơi sơn môn rất mật thiết, có nhờ sơn môn đi quyền tiền, để làm Hội-quán.

Hiện tình Hội đang cố động Hội-viên đề lập thêm Chi-hội.
Tỉnh-hội Phan-rang. — Tỉnh Hội này có nhờ thầy Từ Thông ở Huế vào dạy một ban đồng-ấu.

Số Hội-viên hiện được 700.

Tỉnh-hội Haut-Donnai. — (Dalat) — Hiện đang đưa đơn xin một miếng đất độ 2h để dựng Hội-quán.

Tin ngoài hội

Tin về chữ Vạn. — Ngày 30 tháng tư (5 Juin 1940) đức BẢO-ĐẠI Hoàng-Đế giáng Dụ nghiêm cấm ở Trung-Kỳ những sự thâm nhập, chế tạo, phát mại, phân phát hay phổ bày những hàng hóa, hay đồ vật, nhất là cờ-xi có vẽ chữ thập ngược, đến nỗi làm động đến trật tự của công chúng. Trong xứ Trung-Kỳ dấu hiệu ấy chỉ cho dùng vẽ đạo Phật, theo như dấu lưu truyền xưa nay.

Đối với Dụ này, toàn-thể tín-đồ Phật-giáo chi xiết hoan-hỷ. Chúng tôi xin thay mặt Hội An-nam Phật-học, cảm tạ Hoàn-gia, đã nghĩ đến lòng tín ngưỡng của phần đông nhân dân.

TIN NƯỚC NGOÀI

Chính-Phủ Diễn-Điện cấm rượu và thuốc phiện

Theo tin từ Rangoon, kinh đô xứ Diễn-Điện, thì quan Tổng-trưởng bộ Tài-Chánh đã cho ban hành một đạo nghị-định cấm hẳn trong vùng Danyubya không được buôn và uống rượu nữa. Không những thế, Chính-phủ lại còn cấm cả thuốc phiện, mặc dầu hai sự cấm này sẽ làm cho công quỹ hao hụt một số tiền khá lớn.

Hơn 2500 năm, đức Thích-Ca đã chế ra cái luật giới tưu để nghiêm cấm tín-đồ, mà ngày nay ta mới thấy cái luật ấy thi-hành tại một vùng rất nhỏ. Vì ai cũng biết rượu là một món độc sanh trường các tội lỗi mà lại làm cho tri-tuệ suy nhược. Ai là người ưu thời mẫn thế mà không trông mong thế-giới sẽ theo gương của Diễn-điện cấm hẳn sự uống rượu ?

TIN TRONG NƯỚC

Chết đi sống lại

Tại làng Đồng-Mỏ gần tỉnh Thái-nguyên, tên Ty bị cảm nặng rồi chết. Người nhà đi mua quan-tài và đã sắm sửa tan-phục. Nhưng lạ thay !.. Lúc sắp nhập quan thì tên Ty bỗng nhiên sống lại, làm cho cả nhà đều kinh hoảng.

Một điều lạ là lúc chết có quan thầy thuốc nhận thực là tên Ty đã chết rồi.

Nghe tin này, các nhà khoa-học cũng sẽ phải phân vân, khi muốn tìm cho rõ nguyên nhân sự sống lại.

Theo nhà Phật thì có lẽ nghiệp chướng chưa tiêu nên người chết rồi còn phải sống lại để chịu cho đủ quả báo chăng ?

Trừ ma bắt tà

Bà Nghị-Vượng, 73 tuổi, người xã Chu-diện phủ Lục-ngạn lên cơn sốt mê mang bất tỉnh, và nhiều lúc nói sảng.

Người con trai có mời thầy Nguyễn-văn-Thế đặt đàn cúng vái vì tin rằng mẹ mình bị ma ám ảnh.

Khi làm lễ thì thầy thượng đồng hồ lét tay cầm roi mây vút lấy vút để bệnh nhơn nằm thiếp, thầy càng đặt trí đánh thêm.

Xong việc cúng lễ, thầy ra về và đến chiều thì bệnh nhơn tắc thở.

Nhà chuyên trách đến khám nghiệm thì thề thấy nhiều vết lằn thâm tím, bèn hạ lệnh bắt thầy cúng xét hỏi.

Thật là một sự mê tín rất buồn cười. Ai là đệ-tử chân-chánh của Phật nên hằng ngày xét rõ cái nguyên nhơn của cái sự khổ sanh-lão bệnh-tử, hầu mong tìm phương thuốc cho đích-đáng để chạy chữa, không nên tin càng nghe nhầm mà thiệt mất một đời, vì « nhơn thân nan đắc ».

DANH SÁCH HỘI VIÊN TỪ TRẦN

Tỉnh-Hội Thanh-Hóa. — M. Phạm-văn-Thai thiết-hành H.V. từ trần ngày rằm tháng chạp năm Kỷ-Mão.

Me. Phạm-thị-Cừ thiết hành H.V. từ-trần ngày 18 tháng chạp năm Kỷ-Mão.

Tỉnh-Hội Thừa-Tiên. — M. Ung-Chuẩn thiết-hành H.V. từ trần ngày 18-10-39.

M. Ngô-Tuyền thiết-hành H.V. từ-trần ngày 2-11-39.

Me. Ngô-thị-Nghệ Vĩnh-Viên H.V. từ-trần ngày 22-10-39.

M. Đoàn-văn-Huân Tùy-Hỷ H.V. từ-trần ngày 20-12-39.

Me. Phạm-thị-Quý Tùy-Hỷ H.V. từ-trần ngày 5-1-40.

M. Nguyễn Giảng Tùy-hỷ H.V. từ-trần ngày 13 tháng 3 năm Bão-Đại thứ 15.

Me. Nguyễn-thị-Kế thiết-hành H.V. từ trần ngày 5 6 40.

Nguyễn-Hứa thiết-hành H.V. từ-trần ngày 28-5-40.

Tỉnh-Hội Đà-Nẵng. — Mme Nguyễn-thị-Khương thiết hành H. V. từ trần ngày mồng 6 tháng chạp năm Kỷ-mão.

Tỉnh-Hội Quảng-ngãi. — M. Ngô-Vinh Pháp-danh Như-bạch Thiện-tín H. V. từ-trần ngày mồng 2 tháng 1 năm Canh-thìn.

M. Đặng-Dĩnh, Tùy-hỷ H. V. từ-trần ngày mồng 2 tháng 1 năm Canh-Thìn.

M. Nguyễn-Trọng, Tùy-Hỷ H. V. từ-trần ngày mồng 4 tháng 1 năm Canh-Thìn.

M. Trần-Tửu, Tùy-hỷ H.V. từ-trần ngày mồng 4 tháng 1 năm Canh-thìn.

M. Mai-Giới, Thiện-tín H.V. từ trần ngày 17 tháng 1 năm Canh-thìn.

M. Nguyễn-Hoa, Thiện-Tín H.V. từ-trần ngày 22 tháng 1 năm canh-thìn.

M. Trần-Cát, Tuy-hỷ H.V. từ-trần ngày 30 tháng 1 năm Canh-thìn.

M. Nguyễn-Khuê, Pháp-danh Chơn-thạch Tùy-hỷ H.V. từ-trần ngày mồng 9 tháng 2 năm Canh-thìn.

M. Tới-văn-Tái, Tùy-hỷ H.V. từ-trần ngày mồng 9 tháng 2 năm Canh-thìn.

Me. Lê-thị-Hào, tức Phạm, Thiện-tín H.V. từ-trần ngày mồng 10 tháng 2 năm Canh-thìn.

Me. Phạm-thị-Ngà, Tùy-hỷ H.V. từ-trần ngày 12 tháng 2 năm Canh-thìn.

M. Hứa-văn-Chạy, Tùy-hỷ H.V. từ-trần ngày 17 tháng 2 năm Canh-thìn.

(Còn nữa)

Visé par la Censure de Hué sous le n° 367 du 18 Juillet 1940

Le Président de la Com de Censure

Signé : ILLISIBLE

KINH - CÂO

Các ngài muốn khảo cứu triết-lý của đạo Phật,
Các ngài muốn biết tánh của mình,
Các ngài muốn biết còn đường tu-hành cho đến ch
hoàn, toàn;

Xin hãy đọc :

Viên-Âm Nguyệt-San

một tờ tạp chí chuyên chú về Đạo Phật
do Annam Phật học Hội (SEERBA).

v

Bản

Chu

g hội Annam Phật-học
NH-HOÈ

Thơ từ b

m xin gởi cho chủ-bút

M. **LÊ-ĐÌNH**

ch Ladochinois, hôpital Hu

boite postale N° 15

Mua báo, trả tiền báo, đăng quảng cáo xin gởi cho quản-lý
M. **TRÁNG-ĐÌNH**, Boite postale N° 29 - Hue

giá	Một năm.	2\$00
	Sáu tháng	1\$10
	Mỗi số	0\$20

Hội viên hội Annam Phật học muốn hưởng 25% gi
báo xin do các hội-trưởng tỉnh hội gởi mua.

